TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HOÀ VANG** **TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 04/2022/QĐST-DS	*Hòa Vang, ngày 14 tháng 3 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 04 tháng 3 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 18/2021/TLST-DS ngày 01 tháng 02 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Bà Ngô Thị L, sinh năm: 1952; địa chỉ: Tổ X thôn C, xã H, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng; địa chỉ liên lạc địa chỉ: Số X Đường Đ, phường A, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thái Ngọc T, sinh năm: 1997, địa chỉ: K3 Đường T, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng (Giấy uỷ quyền ngày 02.3.2021 có xác nhận của Văn Phòng Công chứng P, TP. Đà Nẵng).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Lê Thị Xuân P, sinh năm: 1976, Luật sư Công ty Luật TNHH MTV, địa chỉ liên hệ: Số X Đường T, phường H, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng.

**** Bị đơn:*** Ông Nguyễn Văn P, sinh năm: 1979; địa chỉ: Tổ X thôn C, xã H, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Bà Nguyễn Thị Mỹ U, sinh năm: 1976; địa chỉ: Số X2 Đường A, phường A, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.
- Ông Nguyễn Văn V, sinh năm: 1977; địa chỉ: K25 Đường B, phường Y, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.
- Bà Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm: 1981; địa chỉ: K10 đường L, phường T, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Có đơn xin vắng mặt.
- Bà Đoàn Thị Diễm M, sinh năm 1992; địa chỉ: Tổ X thôn C, xã H, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.
- Văn phòng đăng ký đất đai TP. Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Huy T - Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Hòa Vang tham gia tố tụng (Giấy uỷ quyền số A ngày 07.10.2021 của Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đà Nẵng).

II. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về hàng thừa kế: Hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn T gồm: Bà Ngô Thị L, bà Nguyễn Thị Mỹ U, ông Nguyễn Văn V, ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị Mỹ T.

2. Di sản thừa kế gồm:

Nhà và đất tại thửa đất số A, tờ bản đồ số B, địa chỉ: thôn C, xã H, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng được UBND huyện Hòa Vang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB ngày 26 tháng 04 năm 2010 cấp cho hộ Nguyễn Văn T là tài sản chung của ông Nguyễn Văn T và bà Ngô Thị L.

Diện tích đất đo đạc thực tế là 867,6m^2 (trong đó: 469 m^2 đất ở, 398,6 m^2 đất trồng cây hàng năm khác) và công trình xây dựng trên đất gồm: Khu nhà số 1: Nhà cấp 4 phía trước 66,77 m^2, nhà ở cấp 4: Diện tích 100 m^2, dãy nhà phía sau 46,9 m^2 (do bà T và U xây dựng, trị giá 74.571.000 đồng), nhà kho bếp khu vệ sinh 67,93 m^2, mái tôn phía sau, sân, hàng rào, cổng ngõ, giếng nước; Khu nhà số 2: Nhà ở hai tầng diện tích xây dựng 78,1 m^2, diện tích sử dụng 134,3 m^2 (do bà T xây dựng, trị giá 515.215.950 đồng). Tổng giá trị tài sản nhà, đất theo Chứng thư thẩm định giá là 9.850.174.738 đồng (Chín tỷ, tám trăm năm mươi triệu, một trăm bảy mươi tư nghìn, bảy trăm ba mươi tám đồng).

Trong đó: Di sản của ông T là ½ giá trị tài sản nêu trên không bao gồm phần nhà do bà T và bà U xây dựng; giá trị di sản của ông T để lại là 4.630.193.894 đồng. Giá trị tài sản của bà L là ½ giá trị tài sản nêu trên không bao gồm phần nhà do bà T và bà U xây dựng; giá trị tài sản của bà L là 4.630.193.894 đồng.

3. Các đồng thừa kế thống nhất chia di sản của ông T như sau:

- Giao bà Ngô Thị L được quyền sử dụng, sở hữu diện tích đất là có diện tích đo đạc thực tế là 867,6m^2 (trong đó: 469 m^2 đất ở, 398,6 m^2 đất trồng cây hàng năm khác) tại thửa đất số A, tờ bản đồ số B, địa chỉ: thôn C, xã H, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng được UBND huyện Hòa Vang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB ngày 26 tháng 04 năm 2010 cấp cho hộ Nguyễn Văn T và công trình xây dựng trên đất gồm: Khu nhà số 1: Nhà cấp 4 phía trước 66,77 m^2, nhà ở cấp 4: Diện tích 100 m^2, dãy nhà phía sau 46,9 m^2 (do bà T và U xây dựng, trị giá 74.571.000 đồng), nhà kho bếp khu vệ sinh 67,93 m^2, mái tôn phía sau, sân, hàng rào, cổng ngõ, giếng nước; Khu nhà số 2: Nhà ở hai tầng diện tích xây dựng 78,1 m^2, diện tích sử dụng 134,3 m^2 (do bà T xây dựng, trị giá 515.215.950 đồng). Nhà và đất có tứ cận: Phía Bắc giáp nhà bà Nguyễn Thị L, Phía Nam giáp đất của ông Võ Văn H (nay bán cho ông Q), Tây giáp vỉa hè 3m và quốc lộ 1A, Đông giáp nhà ông Trần Văn T.

Đối với dãy nhà phía sau 46,9 m^2 và nhà ở hai tầng 134,3 m^2 của bà Nguyễn Thị Mỹ U, bà Nguyễn Thị Mỹ T: Bà T, bà U thống nhất giao cho bà L và không yêu cầu bà L thối trả tiền.

Bà Nguyễn Thị Mỹ U, ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị Mỹ T nhường kỷ phần thừa kế được nhận cho bà Ngô Thị L nên bà L không phải thối trả lại cho bà U, ông V, bà T.

Tổng giá trị bà L được nhận là 9.850.174.738 đồng (Chín tỷ, tám trăm năm mươi triệu, một trăm bảy mươi tư nghìn, bảy trăm ba mươi tám đồng).

(Có Sơ đồ vị trí thửa đất kèm theo)

Bà Ngô Thị L được quyền liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để xác lập quyền sử dụng đất và ghi nhận tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật đối với nhà, đất được giao trên.

4. Bà Ngô Thị L phải thối trả cho ông Nguyễn Văn P số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) vào ngày 14.3.2022. Ông Nguyễn Văn P cùng bà Đoàn Thị Diễm M có nghĩa vụ bàn giao cho bà Ngô Thị L toàn bộ quyền sử đất và công trình xây dựng trên đất (đã nêu ở Mục 3) thuộc thửa đất số A, tờ bản đồ số B, địa chỉ: thôn C, xã H, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng được UBND huyện Hòa Vang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB ngày 26 tháng 04 năm 2010 ngay sau khi nhận tiền.

5. Về chi phí tố tụng:

- Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), chi phí đo đạc bản đồ là 3.994.000 đồng (ba triệu, chín trăm chín mươi bốn nghìn đồng) và chi phí định giá tài sản là 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) bà Ngô Thị L tự nguyện chịu (đã tạm ứng và chi phí xong).

6. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Ngô Thị L được miễn án phí dân sự sơ thẩm là 58.425.000 đồng (Năm mươi tám triệu, bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng) do là người cao tuổi.

- Ông Nguyễn Văn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 21.000.000 đồng (hai mươi mốt triệu đồng).

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Hòa Vang;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Diệp